

Số : 94 /BC-UBND

Bù Đăng, ngày 05 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO
Tổng quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2018

Tại Kỳ họp HĐND huyện lần thứ Năm, Khóa VI từ ngày 19 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018 đã thông qua Nghị quyết HĐND về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh ngân sách Nhà nước năm 2018 của huyện.

UBND huyện trình HĐND huyện phê duyệt Báo cáo tổng quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2018 như sau:

A. Về thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn thực hiện cả năm là: 230.034.570.534 đồng, đạt 197% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 125% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 174% so với cùng kỳ năm 2017, bao gồm các khoản thu như sau:

I. Các khoản thu trong cân đối ngân sách Nhà nước

Thực hiện cả năm là: 228.267.022.714 đồng, đạt 198% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 124% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 176% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, thu ngân sách huyện, xã hưởng là: 177.314.390.245 đồng, đạt 226% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 122% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 199% so với cùng kỳ năm 2017, bao gồm các khoản thu sau:

1. Thu thuế doanh nghiệp địa phương: Thực hiện 1.165.818.609 đồng, đạt 583% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 561% so với cùng kỳ năm 2017, chi tiết như sau:

- Thu thuế GTGT : 627.228.347 đồng;
- Thu thuế TNDN : 536.798.906 đồng;
- Thu khác : 1.791.356 đồng.

2. Thu thuế CTN-NQD: Thực hiện 32.667.883.609 đồng, đạt 114,62% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 115,43% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 124% so với cùng kỳ năm 2017, chi tiết như sau:

- Thu thuế GTGT : 25.725.209.516 đồng;
- Thu thuế TNDN : 3.086.258.308 đồng;
- Thu thuế Tiêu thụ đặc biệt : 169.514.033 đồng;
- Thu thuế Tài nguyên : 2.798.103.451 đồng;
- Thu khác : 888.798.301 đồng.

3. Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện 24.498.884.093 đồng, đạt 111% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 125% so với cùng kỳ năm 2017.

4. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 76.727.111 đồng, đạt 77% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 69% so với cùng kỳ năm 2017.

5. Thu tiền cho thuê đất: Thực hiện 5.302.863.524 đồng, đạt 106% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 85% so với cùng kỳ năm 2017.

6. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 122.950.647.704 đồng, đạt 455% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 129% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 264% so với cùng kỳ năm 2017.

7. Thu phí, lệ phí: Thực hiện 4.613.759.453 đồng, đạt 81% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 86% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 90% so với cùng kỳ năm 2017.

8. Thu thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 25.264.230.846 đồng, đạt 140,82% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 140,89% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 152% so với cùng kỳ năm 2017.

9. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 328.761.938 đồng, đạt 206% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 196% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 196% so với cùng kỳ năm 2017.

10. Thu khác ngân sách: Thực hiện 9.347.653.827 đồng, đạt 117% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 126% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 121% so với cùng kỳ năm 2017.

11. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: Thực hiện 2.049.792.000 đồng, đạt 186% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 102% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 205% so với cùng kỳ năm 2017.

(có bảng tổng hợp số liệu thu đính kèm)

II. Các khoản thu được để lại quản lý qua NSNN

Thực hiện 1.767.547.820 đồng, đạt 147% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 74% so với cùng kỳ năm 2017.

B. Về chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi NSNN: Thực hiện 720.014.393.753 đồng, đạt 109% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 86% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 124 % so với cùng kỳ năm 2017, bao gồm các khoản chi như sau:

I. Các khoản chi trong cân đối ngân sách

Thực hiện 718.246.845.933 đồng, đạt 109% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 85% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 125% so với cùng kỳ năm 2017, chi tiết như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Thực hiện 94.090.010.989 đồng, đạt 229% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 85% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 231% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- Chi XDCB tập trung từ nguồn vốn phân cấp : 19.627.554.610 đồng;
- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất : 72.710.483.379 đồng;
- Chi từ nguồn vốn TTCX từ năm 2017 sang 2018 : 1.738.981.000 đồng;
- Chi từ nguồn thực hiện dự án Đa Bông Cua năm 2017 sang 2018 : 12.992.000 đồng.

Chi đầu tư phát triển không đạt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua là do: Chi XDCB tập trung từ nguồn vốn phân cấp chưa giải ngân kịp vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 và vốn thanh toán các công trình quyết toán; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất là do cấp xã chỉ giải ngân được 57% còn lại chưa giải ngân được trong năm 2018 do chưa có khối lượng để thanh toán, còn kết dư tại ngân sách xã; chi thực hiện dự án Đa Bông Cua chưa đền bù giải phóng mặt bằng xong.

2. Chi thường xuyên

Thực hiện 597.601.524.294 đồng, đạt 106% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 92% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 115% so với cùng kỳ năm 2017, chi tiết như sau:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 80.053.139.339 đồng, đạt 103% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 78% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 141% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- Chi sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi: Thực hiện 11.252.142.894 đồng, đạt 99% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017;

- Chi sự nghiệp giao thông: Thực hiện 26.304.740.949 đồng, đạt 99% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 239% so với cùng kỳ năm 2017;

- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính: Thực hiện 9.150.700.151 đồng, đạt 88% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 126% so với cùng kỳ năm 2017, giảm chi là do thực hiện Hợp đồng số 07/2017/HĐXD ngày 29/5/2017 về kinh phí chăm sóc cây xanh trên địa bàn nội ô thị trấn Đức phong giữa phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện với Công ty TNHH cây xanh Tây Nguyên, có thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 5/2017 đến tháng 5/2018. Tuy nhiên sang năm 2018, phòng Kinh tế và Hạ tầng xin UBND huyện thực hiện gia hạn, ký phụ lục hợp đồng gia hạn hợp đồng từ tháng 6/2018 đến 12/2018 mà không thực hiện đấu thầu lại nhưng kinh phí bố trí là để đấu thầu lại, có thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 6/2018 đến tháng 5/2019 chỉ thanh toán được 8 tháng, còn kinh phí kết dư 4 tháng chuyển sang 2019 nên chi sự nghiệp kiến thiết thị chính không đạt.

- Chi quy hoạch: Thực hiện 977.311.273 đồng, đạt 24% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 95% so với cùng kỳ năm 2017; chi không đạt là do dự án quy hoạch chung mở rộng thị trấn Đức Phong và dự án quy hoạch phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn huyện do phòng Kinh tế - Hạ tầng chưa triển khai đấu thầu nên không giải ngân được.

- Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí đấu giá đất công: Thực hiện 16.716.406.003 đồng, đạt 64% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 395% so với cùng kỳ năm 2017; chi không đạt là do hồ sơ, phương án đền bù chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Đền bù GPMB dự án Mở rộng trường Lương Thế Vinh xã Bom Bo; đền bù GPMB dự án Đường vào công trường Tiểu học Bom Bo; đền bù GPMB dự án điểm trường Mẫu giáo Thanh Bình thôn 4, xã Đường 10; đền bù GPMB dự án trường Tiểu học Phú Sơn; đền bù GPMB dự án trường Tiểu học Đồng Nai; đền bù GPMB dự án trường Tiểu học Đăng Hà; các dự án đền bù GPMB chưa thực hiện được do người dân chưa nhận tiền đền bù như: Đền bù GPMB dự án Khu tái định cư thôn 3 xã Minh Hưng; đền bù GPMB dự án thực hiện dự án Đa Bông Cua;...

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 1.472.876.200 đồng, đạt 90% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 41% so với cùng kỳ năm 2017; chi không đạt là do công trình: Nạo vét mở rộng lòng suối và xây kè suối Đắc Woa đoạn qua xã Đoàn Kết (giai đoạn I) điều chỉnh giảm nguồn vốn tại Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND huyện.

- Chi Trung tâm Phát triển Quỹ đất: Thực hiện 394.964.657 đồng, đạt 92% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua; chi không đạt là do chi hoạt động chuyên môn đơn vị sử dụng chưa hết.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Thực hiện 13.942.397.212 đồng, đạt 76% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 73% so với cùng kỳ năm 2017; chi không đạt là do: Công trình sửa chữa Trung tâm GDTX (cũ) chưa quyết toán nên chưa giải ngân; Công trình XD mương thoát nước 2 tuyến đường nội bộ và gia cố 2 bờ đập ngăn nước của Bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt thôn 1 xã Đoàn Kết chưa có khối lượng nên chưa giải ngân; Công trình Ủi quang và san lấp mặt bằng khu dân cư dọc hai bên đường D1 nối dài chưa có khối lượng nên chưa giải ngân;...

2.2. Chi sự nghiệp y tế: Thực hiện 61.881.228.079 đồng, đạt 128% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 115% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 170% so với cùng kỳ năm 2017, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT năm 2018.

2.3. Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo và dạy nghề: Thực hiện 295.202.980.407 đồng, đạt 99% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 90% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 108% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục: Thực hiện 289.280.228.190 đồng, đạt 91% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017, chi không đạt là do còn một số chế độ chưa thực hiện trong năm 2018 mà chuyển sang năm 2019 như: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP và kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã ĐBK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ chưa sử dụng hết; các trường được giao cơ chế tự chủ, kinh phí tiết kiệm được các trường không chi tăng thu nhập mà chuyển sang năm sau; nguồn cải cách tiền lương và các chế độ phụ cấp chuyển sang năm sau.

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Thực hiện 5.922.752.217 đồng, đạt 89% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 199% so với cùng kỳ năm 2017; chi không đạt là do chi mở lớp Trung cấp LLCT-HC hệ tập trung năm học 2018-2019 dự kiến mở đầu năm nhưng thực tế cuối năm mới khai giảng nên kinh phí sử dụng chưa hết chuyển sang năm 2019.

2.4. Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể dục - Thể thao: Thực hiện 3.184.587.246 đồng, đạt 66% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 89% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 112% so với cùng kỳ năm 2017, chi không đạt là do kinh phí hoạt động sự nghiệp còn tồn ngân sách.

2.5. Chi sự nghiệp Phát thanh và Truyền hình: Thực hiện 1.723.470.648 đồng, đạt 93% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 93% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 154% so với cùng kỳ năm 2017.

2.6. Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 21.068.459.136 đồng, đạt 111% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 80% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 121% so với cùng kỳ năm 2017; chi không đạt là do chưa chi thực hiện Đề án trợ giúp người dân di cư tự do từ Campuchia về nước; còn kết dư kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, kinh phí bảo trợ xã hội.

2.7. Chi quản lý hành chính: Thực hiện: 109.797.399.075 đồng, đạt 112% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 99% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- Chi quản lý nhà nước: Thực hiện 62.708.880.327 đồng, đạt 92% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 99,57% so với cùng kỳ năm 2017.

- Chi hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, xã hội: Thực hiện 41.701.733.280 đồng, đạt 108% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 104% so với cùng kỳ năm 2017, tăng chi là do bổ sung kinh phí: Phụ cấp biệt phái, kinh phí đặt báo cho các chi, Đảng bộ trên toàn huyện, hoạt động cho Văn phòng Huyện ủy, bổ sung kinh phí trợ cấp thôi việc cho công chức xã Phước Sơn; bên cạnh đó các xã, thị trấn sử dụng kinh phí động quản lý nhà nước để hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội như: Hội phụ nữ, hội nông dân, hội Cựu chiến binh,...

- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể: Thực hiện 5.291.785.468 đồng, đạt 127% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 109% so với cùng kỳ năm 2017, tăng chi là do bổ sung kinh phí đưa người cao tuổi đi tập huấn mô hình CLB liên thể

hệ và dự hội nghị sản xuất kinh doanh giới cấp tỉnh; bên cạnh đó các xã, thị trấn sử dụng kinh phí chi hoạt động quản lý nhà nước để hỗ trợ hoạt động cho các hội như: Hội Chữ thập đỏ, hội Đông y, hội Người cao tuổi,...

- Chi trang bị phần mềm quản lý: Thực hiện 95.000.000 đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

2.8. Chi an ninh, quốc phòng địa phương: Thực hiện 22.854.914.545 đồng, đạt 200% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 110% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 110% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- Chi hỗ trợ ANTT và ATXH: Thực hiện 8.977.246.665 đồng, đạt 108% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 125% so với cùng kỳ năm 2017, tăng chi là do: Tỉnh bổ sung có mục tiêu kinh phí phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phòng chống ma túy cho Công an huyện; hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn công tác thu thập thông tin dân cư phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Công an huyện; bổ sung kinh phí phụ cấp cho cán bộ luân chuyên cho Trường công an xã Bom Bo và xã Đường 10,...

- Chi quốc phòng địa phương: Thực hiện 13.877.667.880 đồng, đạt 111% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2017, tăng chi là do bổ sung kinh phí huấn luyện dân quân năm thứ nhất, phụ cấp trách nhiệm dân quân, kinh phí mô hình học cụ lễ ra quân huấn luyện; hỗ trợ kinh phí kiểm tra bắn đạn thật cho Ban CHQS huyện; bổ sung kinh phí phụ cấp thâm niên quốc phòng quân sự theo Nghị định 03/2016/NĐ-CP cho xã Đồng Nai, xã Đăng Hà; bổ sung kinh phí cho dân quân thường trực hoàn thành nghĩa vụ quân sự theo Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND cho xã Bom Bo; bổ sung kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Đăk Nhau, Phước Sơn; diễn tập phòng chống biểu tình, gây rối bạo loạn (A2) xã Bom Bo, Đồng Nai; diễn tập phòng không nhân dân xã Đoàn Kết,...

2.9. Chi khác ngân sách: Thực hiện 1.707.805.819 đồng, đạt 76% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 76% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 99% so với cùng kỳ năm 2017, Chi chưa đạt là do: Một số xã sử dụng nguồn chi này để chi hỗ trợ hoạt động cho an ninh, quốc phòng.

2.10. Chi trợ giá các mặt hàng chính sách: Thực hiện 127.540.000 đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 9% so với cùng kỳ năm 2017.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau (2019): 904.333.951 đồng.

4. Chi chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện 25.650.976.699 đồng, đạt 347% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 91% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 176% so với cùng kỳ năm 2017, chi không đạt là do: Kinh phí thực hiện Chương trình định canh, định cư chưa thực hiện; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững chủ yếu kết dư ở cấp xã do chưa làm thủ tục giải ngân kịp thời.

II. Các khoản chi bằng nguồn thu để lại quản lý qua NSNN

Thực hiện 1.767.547.820 đồng, đạt 147% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 74% so với cùng kỳ năm 2017, tăng chi là do Phòng Kinh tế - Hạ tầng tăng thu kinh phí từ nguồn thu phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng năm 2018.

(có bảng tổng hợp số liệu chi tiết đính kèm)

C. Phân cân đối ngân sách Nhà nước

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước	: 896.003.532.613 đồng.
<i>Trong đó:</i>	
- Thu ngân sách huyện, xã hương	: 177.284.939.085 đồng;
- Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách tỉnh	: 481.104.000.000 đồng;
- Thu trợ cấp mục tiêu từ ngân sách tỉnh	: 141.691.167.292 đồng;
- Các khoản thu được quản lý qua NSNN	: 1.767.547.820 đồng;
- Thu kết dư	: 94.122.070.726 đồng;
- Thu chuyển nguồn	: 33.807.690 đồng.
2. Tổng chi ngân sách Nhà nước	: 720.014.393.753 đồng.
<i>Trong đó:</i>	
- Chi ngân sách huyện	: 597.997.070.038 đồng;
- Chi ngân sách xã	: 122.017.323.715 đồng.
3. Kết dư ngân sách Nhà nước	: 175.989.138.860 đồng.
<i>Trong đó:</i>	
- Kết ngân sách huyện	: 141.094.976.499 đồng;
- Kết dư ngân sách xã	: 34.894.162.361 đồng.

D. Đánh giá kết quả thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2018

1. Về thu ngân sách Nhà nước

Về tổng thể: Thực hiện thu NSNN năm 2018 đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện đã thông qua. Tổng thu NSNN cả năm đạt 197% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 125% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 174% so với cùng kỳ năm 2017.

Về chi tiết: Đa số các khoản thu đều đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua như: Thuế CTN-NQD đạt 114,62%, tăng là do tổ chức khai thác tốt các nguồn thu, tăng cường quản lý các doanh nghiệp và hộ kinh doanh, các đơn vị xây dựng cơ bản vãng lai trên địa bàn (kê khai tạm nộp thuế GTGT); thu lệ phí trước bạ đạt 111%, tăng là do nhu cầu của người dân về mua sắm tài sản và chuyển quyền sử dụng đất tăng; thu tiền sử dụng đất đạt 129% do triển khai thực hiện bán đấu giá các dự án đất đảm bảo kế hoạch đề ra; thuế thu nhập cá nhân đạt 140,89%, tăng là do nhu cầu của người dân về chuyển quyền sử dụng đất tăng; thu tiền cho thuê đất đạt 106% là do đôn đốc các đơn vị nộp kịp thời; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 196%, nguồn thu này trong năm phát sinh nhiều; thu khác ngân sách đạt 126%, tăng là do Trung tâm Y tế huyện nộp trả kinh phí phụ cấp ưu đãi năm 2017 theo kiến nghị của Đoàn Kiểm toán Nhà nước năm 2018; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 102%, chủ yếu là thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ các xã, thu tiền phạt và thu tịch thu, thu khác phát

sinh không nhiều; các khoản thu được quản lý qua NSNN đạt 147%, tăng là do phòng Kinh tế- Hạ tầng tăng thu từ nguồn thu phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng năm 2018.

Bên cạnh những khoản thu đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua vẫn còn một số khoản thu chưa đạt như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chỉ đạt 77% là do các xã, thị trấn triển khai thực hiện thu nợ đọng các năm trước chuyển sang còn hạn chế; thu phí, lệ phí chỉ đạt 86% do trong năm 2018 áp dụng chính sách phí, lệ phí chuyển sang cơ chế giá.

Phần thu trong cân đối ngân sách huyện, xã hưởng thực hiện 177.285 triệu đồng đạt 226% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao, đạt 122% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 199% so với cùng kỳ năm 2017. Như vậy, tăng thu so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao là 112.767 triệu đồng và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua là 44.767 triệu đồng. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu hồi các khoản chi năm trước, các khoản thu được quản lý qua NSNN thì thu ngân sách huyện, xã hưởng thực hiện cả năm là 65.582 triệu đồng, tăng thu ngân sách so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao là 5.932 triệu đồng và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua là 5.932 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi NSNN thực hiện cả năm đạt 109% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 86% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 124% so với cùng kỳ năm 2017.

Chi đầu tư phát triển chỉ đạt 85% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, chi không đạt là do chi XDCB tập trung từ nguồn vốn phân cấp chưa giải ngân kịp vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 và vốn thanh toán các công trình quyết toán; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất là do cấp xã chỉ giải ngân được 57% còn lại chưa giải ngân được trong năm do chưa có khối lượng để thanh toán, còn kết dư tại ngân sách xã; chi thực hiện dự án Đa Bông Cua chưa đền bù giải phóng mặt bằng xong.

Chi thường xuyên đạt 92% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, chi không đạt là do một số nội dung chi chưa thực hiện trong năm 2018 mà chuyển sang năm 2019 thực hiện như: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP và kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ chưa sử dụng hết; các trường được giao cơ chế tự chủ, kinh phí tiết kiệm được các trường không chi tăng thu nhập mà chuyển sang năm sau; nguồn cải cách tiền lương và các chế độ phụ cấp chuyển sang năm sau,...

Chi Chương trình MTQG đạt 91% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, chi chưa đạt là do: Chương trình định canh, định cư chưa thực hiện; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và chương trình MTQG giảm nghèo bền vững chủ yếu kết dư ở cấp xã do chưa làm thủ tục giải ngân kịp thời.

Nhìn chung việc điều hành NSNN năm 2018, thuận lợi hơn do thu ngân sách đạt nên các khoản chi thường xuyên như: Chi lương, chi chính sách an sinh xã hội và

các chế độ chính sách theo quy định được đảm bảo. Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thực hiện chỉ theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và đúng dự toán được giao; các khoản chi được thực hiện đúng chế độ, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đặc biệt thực hiện đúng theo tinh thần của Chương trình hành động số 24/CTr-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Công văn số 2899/UBND - TH ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách những tháng cuối năm 2018.

Ngoài ra huyện còn hỗ trợ kinh phí hoạt động và tiền tết cho các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn huyện, để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành tại địa phương và giảm một số khoản chi chưa thật sự cần thiết và cấp bách.

Trên đây là Báo cáo tổng quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2018 của huyện Bù Đăng, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét và quyết định./. *Kerh*

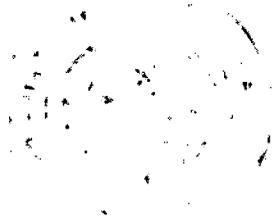
Nơi nhận: *Hand*

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- HĐND các xã - thị trấn;
- Lưu (VT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình





TỜ TRÌNH VÀ BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM 2018

Báo cáo số: 94 /BC-UBND ngày 05 / 6 /2019 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tỉnh giao năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2018 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2018 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
I	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Thu NSNN trên địa bàn	131.992	116.700	184.700	230.034.570.534	197	125	174
A	Các khoản thu trong cân đối NS	129.618	115.500	183.500	228.267.022.714	198	124	176
	<i>Trong đó : Ngân sách huyện, xã hưởng</i>	88.987	78.450	145.930	177.284.939.085	226	121	199
1	Thu thuế doanh nghiệp địa phương	208	-	200	1.165.818.609		583	561
-	Thuế GTGT	104		100	627.228.347		627	603
-	Thuế TNDN	104		100	536.798.906		537	516
-	Thuế Tiêu thu đặc biệt							
-	Thuế Môn bài							
-	Thuế tài nguyên							
-	Thu khác							
2	Thu thuế CTN-NQD	26.252	28.500	28.300	1.791.356			
-	Thuế GTGT	21.636	24.000	23.300	32.667.883.609	114,62	115,43	124
-	Thuế TNDN	2.006	2.500	2.400	25.725.209.516	107	110	119
-	Thuế Tiêu thu đặc biệt	178	250	250	3.086.258.308	123	129	154
-	Thuế Môn bài	20			169.514.033	68	68	96
-	Thuế tài nguyên	1.053	1.500	2.100	2.798.103.451	187	133	266
-	Thu khác	1.359	250	250	888.798.301	356	356	65
3	Thu lệ phí trước bạ	19.654	22.000	22.000	24.498.884.093	111	111	125
4	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	111	100	100	76.727.111	77	77	69
5	Thu tiền cho thuê đất (35%)	6.275	5.000	5.000	5.302.863.524	106	106	85
6	Thu tiền sử dụng đất	46.510	27.000	95.000	122.950.647.704	455	129	264

Kuu.

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tình giao năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2018 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2018 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
I	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Thu phí và lệ phí	5.111	5.700	5.352	4.613.759.453	81	86	90
8	Thu thuế thu nhập cá nhân	16.598	17.940	17.932	25.264.230.846	140,82	140,89	152
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	168	160	168	328.761.938	206	196	196
10	Thu khác	7.731	8.000	7.447	9.347.653.827	117	126	121
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.100	2.001	2.049.792.000	186	102	205
B	Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN	2.374	1.200	1.200	1.767.547.820	147	147	74
II	Tổng thu Ngân sách địa phương	672.837	663.029	841.615	896.003.532.613	135	106	133
A	Các khoản thu cân đối NSDP	670.463	661.829	840.415	894.235.984.793	135	106	133
1	Thu NSDP được hưởng	88.988	78.450	145.930	177.284.939.085	226	122	199
-	Các khoản thu hưởng 100%	13.953	14.900	14.900	16.087.932.391	108	108	115
-	Thu phân chia theo tỷ lệ (%)	75.035	63.550	131.030	161.197.006.694	254	123	215
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	544.541	549.379	566.329	622.795.167.292	113	110	114
-	Bổ sung cân đối	470.245	474.104	474.104	481.104.000.000	101	101	102
	Trong đó: Vốn XDDB trong cân đối		22.264	22.264				
-	Bổ sung CTMT khác ngoài dự toán	74.296	75.275	92.225	141.691.167.292	188	154	191
3	Nguồn CCTL từ nguồn bổ sung từ NSTW		34.000	34.000				
4	Thu kết dư	36.879		94.122	94.122.070.726			
5	Thu chuyển nguồn	55		34	33.807.690			
B	Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN	2.374	1.200	1.200	1.767.547.820	147	147	74
-	Thu các khoản huy động, đóng góp	545	1200	573	468.455.000	39	82	86
-	Thu phí lệ phí và thu khác (thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ Bù Đăng)	1.829		627	1.299.092.820		207	71

!u.

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NSNN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 94 /BC-UBND ngày 05 / 6 /2019 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tình giao năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2018 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2018 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng chi NSDP	578.714	663.029	841.615	720.014.393.753	109	86	124
A	Chi cân đối NSDP	576.340	661.829	840.415	718.246.845.933	109	85	125
I	Chi đầu tư phát triển	40.719	41.064	110.775	94.090.010.989	229	85	231
1	Chi XDCB tập trung	40.719	41.064	108.345	92.338.037.989	225	85	227
-	Vốn phân cấp đầu năm	19.436	22.264	23.068	19.627.554.610	88	85	101
-	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	21.253	18.800	85.252	72.710.483.379	387	85	342
-	Chi chuyển nguồn XDCB năm 2017 sang 2018	30		25				
2	Chi từ nguồn vốn TTCX năm 2017 chuyển sang 2018			1.740	1.738.981.000			
3	Chi thực hiện dự án Đa Bông Cua năm 2017 chuyển sang 2018			690	12.992.000			
II	Chi thường xuyên	521.046	561.830	650.227	597.601.524.294	106	92	115
1	Chi sự nghiệp kinh tế	56.756	77.773	103.019	80.053.139.339	103	78	141
	Trong đó:							



Ksh

-	Chi sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi	10.504		11.324	11.252.142.894		99	107
-	Chi sự nghiệp giao thông	10.993		26.673	26.304.740.949		99	239
-	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	7.235		10.400	9.150.700.151		88	126
-	Chi quy hoạch	1.029		4.000	977.311.273		24	95
-	Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu giá đất công	4.234		26.000	16.558.006.003		64	391
-	Chi sự nghiệp môi trường	3.604		1.630	1.472.876.200		90	41
-	Chi Trung tâm Phát triển quỹ đất			430	394.964.657		92	
-	Chi sự nghiệp kinh tế khác	19.157		18.230	13.942.397.212		76	73
-	Nguồn TK 10% CCTL sự nghiệp kinh tế			4.332				
2	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ							
3	Chi sự nghiệp y tế	36.312	48.343	53.977	61.881.228.079	128	115	170
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	272.491	298.504	326.855	295.202.980.407	99	90	108
	Trong đó :							
-	Sự nghiệp giáo dục	269.522		316.175	289.280.228.190		91	107
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	2.969		6.649	5.922.752.217		89	199
-	Chi CCTL sự nghiệp GD-ĐT và dạy nghề			4.031				
5	Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT	2.840	4.838	3.568	3.184.587.246	66	89,27	112
6	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.118	1.850	1.854	1.723.470.648	93	93	154

Kuu

7	Chi đảm bảo xã hội	17.438	18.955	26.274	21.068.459.136	111	80	121
8	Chi quản lý hành chính	107.849	97.912	110.651	109.797.399.075	112	99	102
	<i>Trong đó :</i>							
-	<i>Chi quản lý Nhà nước</i>	62.982		68.039	62.708.880.327		92	99,57
-	<i>Chi hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, xã hội</i>	40.002		38.581	41.701.733.280		108	104
-	<i>Chi hỗ trợ hội, đoàn thể</i>	4.865		4.169	5.291.785.468		127	109
-	<i>Chi trang bị phần mềm quản lý</i>			95	95.000.000		100	
-	<i>KP giảm do thực hiện giảm 2,5% biên chế và 35% hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP</i>			233				
9	Chi an ninh, quốc phòng	20.837	11.405	20.845	22.854.914.545	200	110	110
	<i>Trong đó :</i>							
-	<i>Chi giữ gìn ANTT&ATXH</i>	7.175		8.292	8.977.246.665		108	125
-	<i>Chi quốc phòng địa phương</i>	13.662		12.553	13.877.667.880		111	102
10	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	1.440		128	127.540.000		100	9
11	Chi khác ngân sách	1.729	2.250	2.250	1.707.805.819	76	76	99
12	Chi tinh giảm biên chế, nghỉ việc; chi phí bán đấu giá tài sản tịch thu; chi đền bù dự án ASXH thuộc Ban QL RPH Bù Đàng;...	2.236		806			0	
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương 2018		34.000	34.900			0	



Handwritten signature or mark.

IV	Chi từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh so với dự toán đầu năm		2.398	2.398			0	
V	Chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Quyết định số 999 - QĐ/TU (từ nguồn giảm 2,5% biên chế và 35% hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP)		3.737	3.737			0	
VI	Chi vốn Chương trình MTQG (gồm nguồn kinh phí Trung ương và địa phương)	14.541	7.398	28.144	25.650.976.699	347	91	176
1	Chi thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới	8.876	7.398	21.910	20.762.211.550	281	95	234
2	Chi thực hiện Chương trình ĐCĐC	2.270		1.452	681.025.488		47	30
3	Chi thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg (CT 134 cũ)	869		2.259	2.197.877.000		97	253
4	Chi thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.526		2.523	2.009.862.661		80	80
VII	Chi chuyển nguồn	34			904.333.951			
VIII	Dự phòng		11.402	10.234				
B	Các khoản chi bằng nguồn thu được để lại quản lý qua NSNN	2.374	1.200	1.200	1.767.547.820	147	147	74
-	Các khoản chi huy động, đóng góp	545	1200	573	468.455.000	39	82	86
-	Các khoản chi phí lệ phí chi khác (giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ Bù Đăng)	1.829		627	1.299.092.820		207	71

kkk